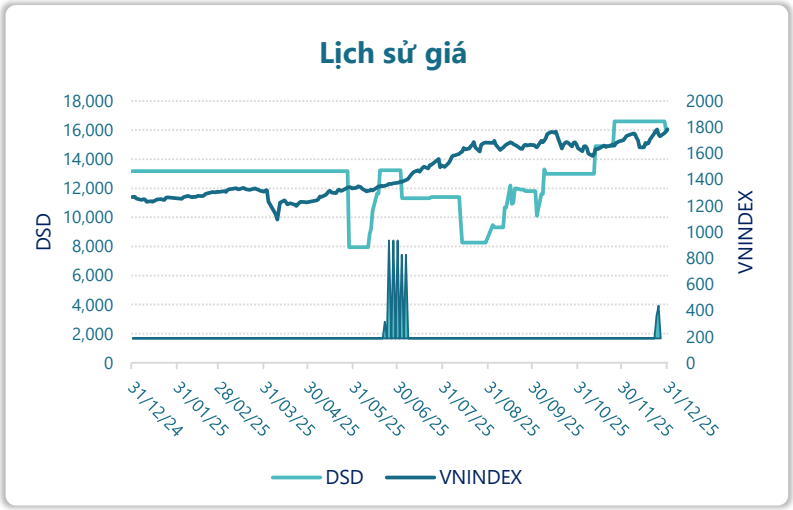
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	58,399,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	934
P/E	50.4
EPS	318

DT thuần

Q4/25

11.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼67.6| -85.3%

YoY: ▼0.90| -7.1%

LN sau thuế

Q4/25

-28.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼59.3| -193%

YoY: ▼7.50| -35.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.4%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

2025

187

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.0| 11.1%

LN sau thuế

2025

18.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.10| 77.6%

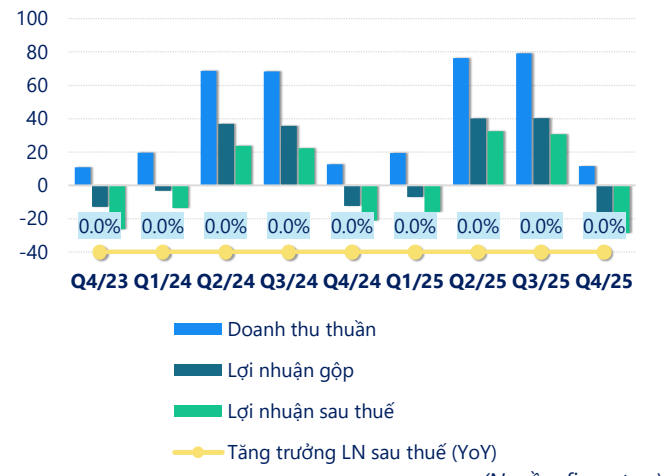
ROE

2025

3.1%

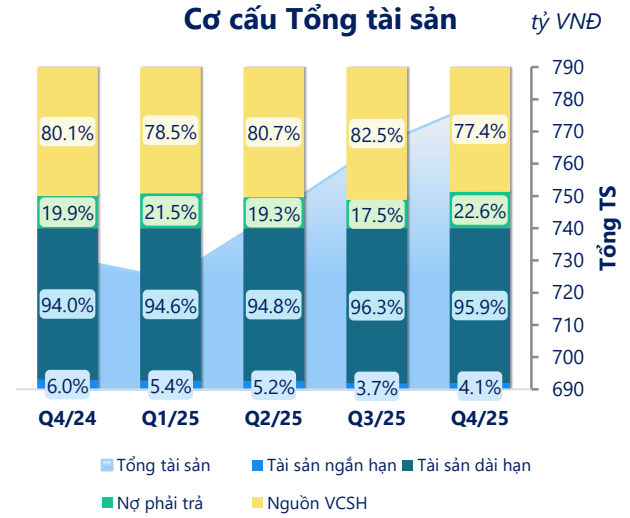
+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh



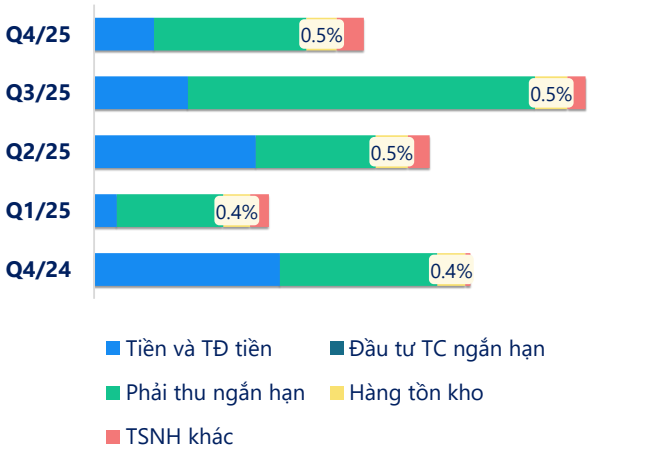
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



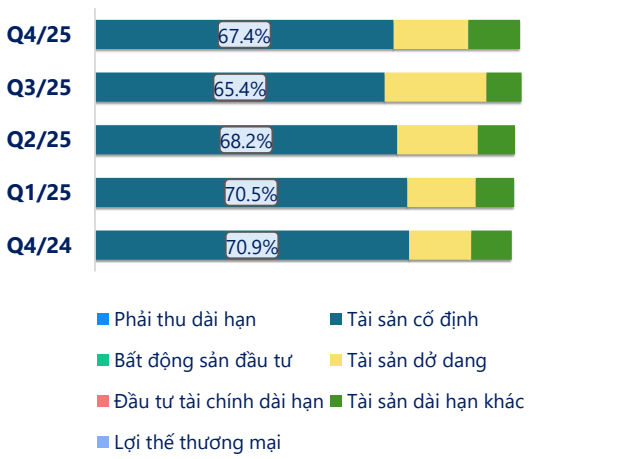
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



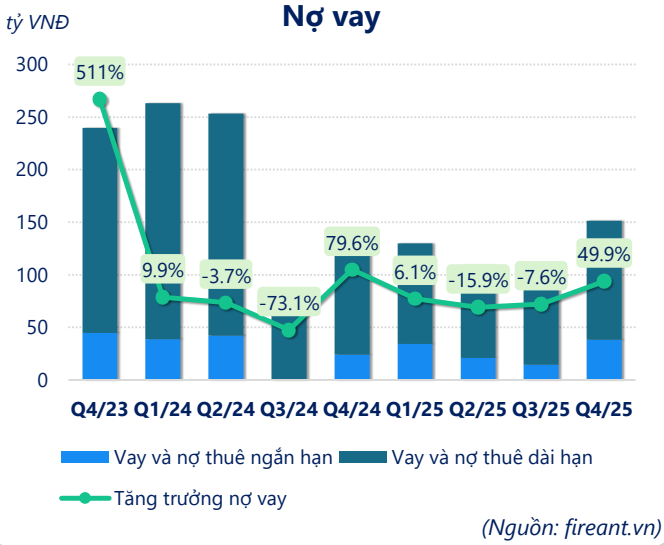
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



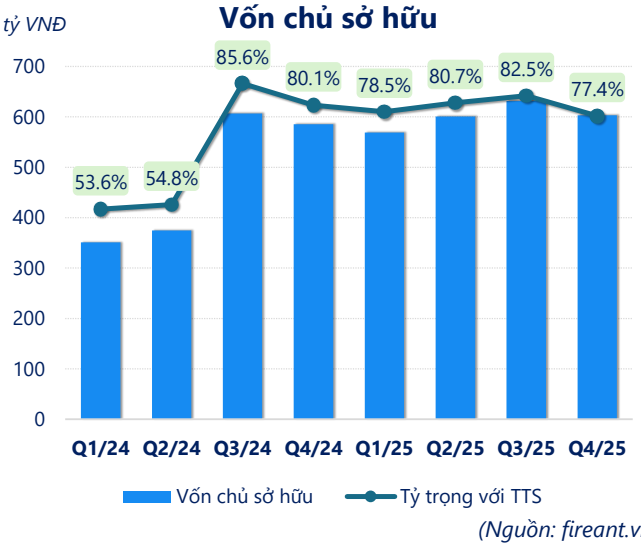
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



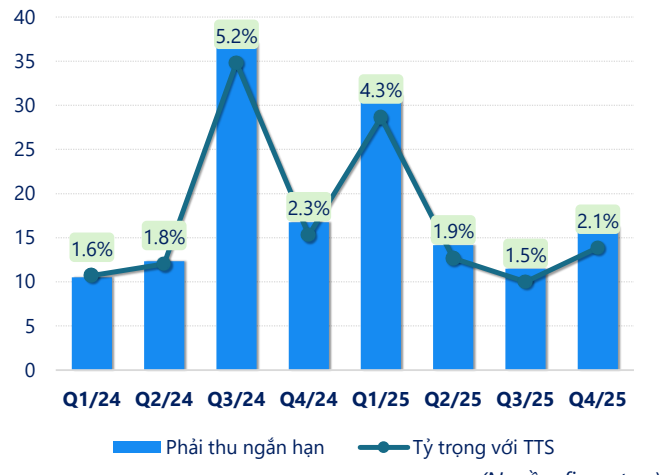
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



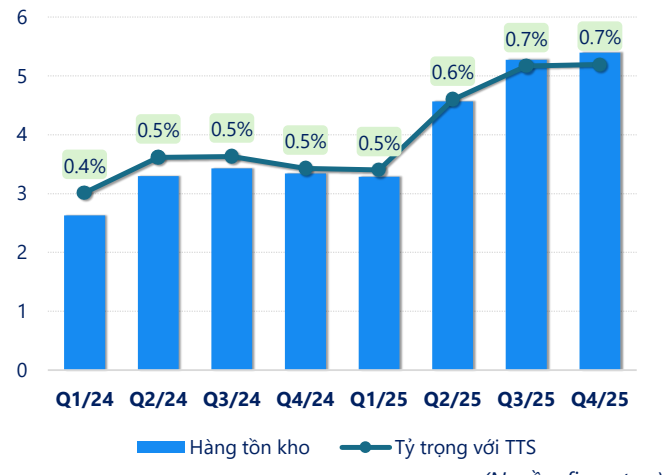
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



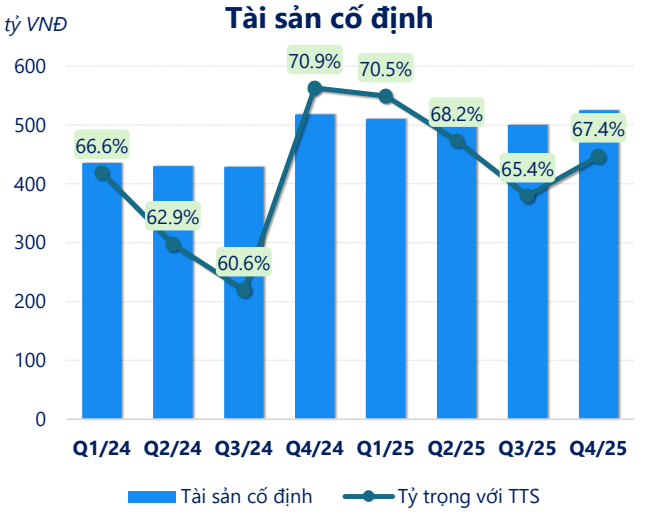
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



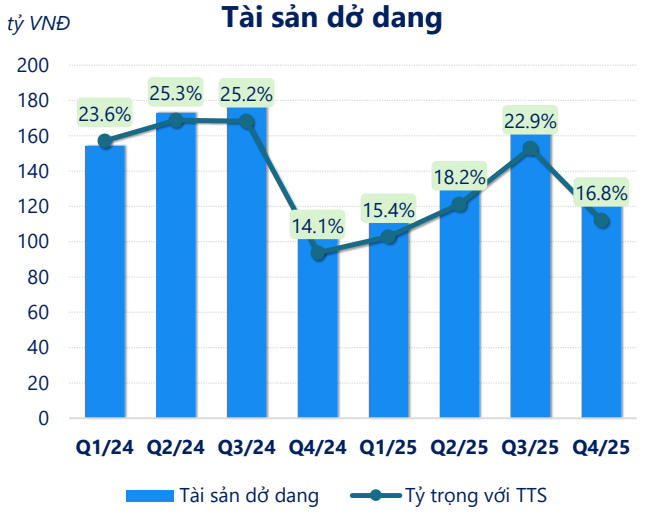
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



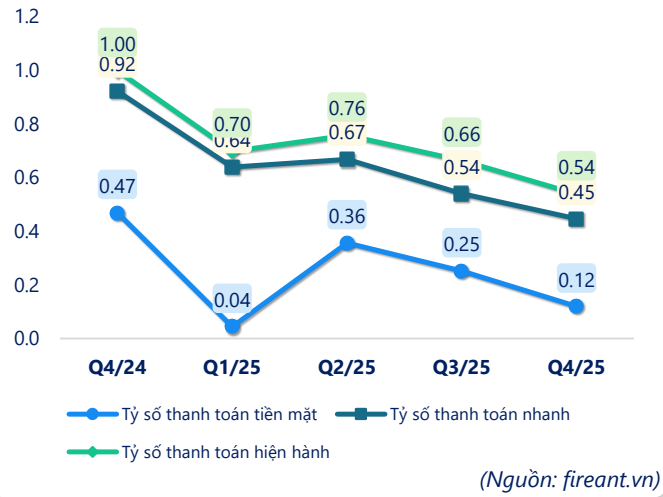
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



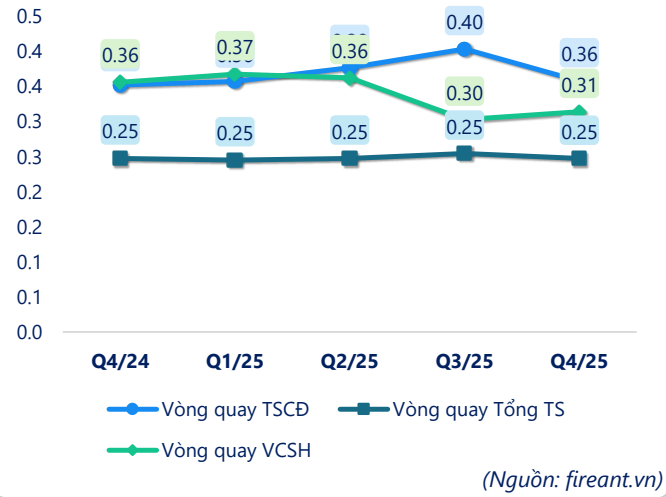
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**731**	**724**	**745**	**765**	**779**
Tài sản ngắn hạn	**43.5**	**39.2**	**38.6**	**28.5**	**31.6**
Tiền và tương đương tiền	20.4	2.47	18.1	10.8	7.02
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	16.8	31.1	14.2	11.5	16.2
Hàng tồn kho	3.34	3.29	4.56	5.27	5.39
Tài sản ngắn hạn khác	2.96	2.36	1.75	0.95	2.98
Tài sản dài hạn	**687**	**685**	**706**	**737**	**747**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	518	511	508	500	525
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	103	112	135	176	131
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	66.5	62.9	62.7	60.9	91.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**145**	**156**	**144**	**134**	**176**
Nợ ngắn hạn	**43.6**	**56.3**	**51.0**	**43.0**	**58.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.1	34.3	20.9	14.4	38.2
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	14.4	19.5	21.2	12.0
Nợ dài hạn	102	99.6	92.6	90.8	117
Vay và nợ thuê dài hạn	98.4	95.7	88.5	86.6	113
Nguồn vốn chủ sở hữu	**585**	**569**	**601**	**632**	**603**
Vốn chủ sở hữu	**585**	**569**	**601**	**632**	**603**
Vốn điều lệ	471	471	471	584	584
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)